

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 25/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP **ĐNA**

Địa chỉ: Số 25 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Nguyễn Tuấn Linh; chức vụ: Chuyên viên XLN miền Trung - Ngân hàng TMCP **ĐNA**; là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng (Văn bản uỷ quyền ngày 27/5/2021 và ngày 11/6/2021)

- *Bị đơn:*

1. Anh Phạm Văn **K** Sinh năm: 1980

2. Chị Nguyễn Thị **H** Sinh năm: 1979

Cùng địa chỉ: Làng **U** (nay là thôn **NT**), xã **CN**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá

Người đại diện hợp pháp của chị **H**: Anh Phạm Văn **K**; là người đại diện theo uỷ quyền của chị **H** (Văn bản uỷ quyền ngày 30/7/2021)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn **C** Sinh năm: 1958

2. Bà Phạm Thị **N** Sinh năm: 1957

Cùng địa chỉ: Làng **U** (nay là thôn **NT**), xã **CN**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá

Người đại diện hợp pháp của ông **C**, bà **N**: Anh Phạm Văn **K**; là người đại diện theo uỷ quyền của ông Cầu, bà Ný (Văn bản uỷ quyền ngày 30/7/2021)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Phạm Văn **K** và chị Nguyễn Thị **H** có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP **ĐNA** số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 21/9/2021 theo Hợp đồng tín dụng từng lần số CN.17.10.23 ngày 26/10/2017, Phụ lục Hợp đồng tín dụng ngày 26/10/2017 và Giấy nhận nợ ngày 28/10/2017 là 157.115.965đ (Một trăm năm mươi bảy triệu một trăm mười lăm nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 136.973.763đ, nợ lãi trong hạn là 16.969.541đ, nợ lãi quá hạn là 2.275.168đ, tiền lãi phạt chậm trả là 897.493đ. Hạn cuối anh **K**, chị **H** phải thanh toán toàn bộ số tiền trên là ngày 15/10/2021.

Anh **K**, chị **H** tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng từng lần số CN.17.10.23 ngày 26/10/2017, Phụ lục Hợp đồng tín dụng ngày 26/10/2017 và Giấy nhận nợ ngày 28/10/2017 kể từ ngày 22/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Trường hợp anh **K** và chị **H** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP **ĐNA** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 282, Bản đồ địa chính xã **CN**, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: Làng **U** (nay là thôn **NT**), xã **CN**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá, diện tích: 713,2m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 185814 cấp ngày 26/11/2009 cho Phạm Văn Cầu (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 27/10/2017 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/9/2021).

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP **ĐNA**, anh **K** và chị **H** có nghĩa vụ tiếp tục phải trả nợ phần còn thiếu cho Ngân hàng.

- Về án phí:

Anh Phạm Văn **K** và chị Nguyễn Thị **H** phải chịu 3.927.000đ (Bằng chữ: Ba triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP **ĐNA** được hoàn trả lại số tiền 3.791.000đ (Bằng chữ: Ba triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí DSST Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0011983 ngày 28/7/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện **NL**;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tân